

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 02/Sapuwa/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Địa chỉ: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 1 800 2085

E-mail: info@sapuwa.com

Mã số doanh nghiệp: 0301426948

Chứng nhận ISO 22000:2018/HACCP/GMP số GKVN-0405-FC cấp ngày 22/06/2023 do Tổ chức G-CERTI chứng nhận.

**II. Thông tin về sản phẩm**

**1. Tên sản phẩm:** NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH

**2. Thành phần:** Sử dụng nguồn nước thủy cục, thanh trùng bằng tia cực tím, xử lý bằng ô zôn.

**3. Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản ở nhiệt độ thường, thông thoáng và khô ráo.

**4. Hướng dẫn sử dụng:** dùng trực tiếp.

**5. Thời hạn sử dụng sản phẩm:**

NSX: in trên sản phẩm.

HSD: 2 năm kể từ ngày sản xuất.

**6. Xuất xứ:** Việt Nam

**7. Thông tin cảnh báo:** không dùng sản phẩm hết hạn sử dụng.

**8. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

- Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng trong bình nhựa PET kín, bao bì sạch đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

- Quy cách đóng gói: Bình 5 Gallon (18.9 L) có vòi và không vòi.
- Ngoài ra có thể đóng gói với các loại bao bì và khối lượng khác theo yêu cầu kinh doanh của đơn vị, thể tích thực được ghi rõ trên nhãn sản phẩm.

### 9. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN.
- Địa chỉ: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm (Theo file đính kèm)

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

**QCVN 6 – 1: 2010/BYT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

**Nghị định số 15/2018/NĐ-CP** của Chính phủ : Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

**Nghị định 111/2021/NĐ-CP** của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều **nghị định số 43/2017/NĐ-CP** ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ tự công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

TP.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** 

(Ký tên, đóng dấu)  
  
**LÊ NHƯ VŨ**



Số: 19 -2025/ CV-SPW

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**Kính gửi: SỞ AN TOÀN THỰC PHẨM TP. HỒ CHÍ MINH**

**Trích yếu: V/v thông báo thay đổi một số nội dung nhãn hàng hóa .**

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**

Địa chỉ: 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 1 800 20 85

Email : [info@sapuwa.com](mailto:info@sapuwa.com)

Website : [www.sapuwa.com](http://www.sapuwa.com)

Được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301426948 do sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/02/2025

Trước tiên, Công Ty TNHH Nước Uống Tinh khiết Sài Gòn chúng tôi xin chân thành gửi đến Quý Sở lời chào trân trọng nhất.

***Kính thưa Quý Sở an toàn thực phẩm,***

Căn cứ vào Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm và Nghị định 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa.

Vì vậy, bằng Công văn này chúng tôi thực hiện hồ sơ công bố 01/Sapuwa/2025 và 02/Sapuwa/2025 không thay đổi thiết kế maquette và thông báo này chỉ thay đổi nội dung nhãn đã đăng ký trước đây vào hồ sơ đã kể trên (Đính kèm mẫu nhãn và các giấy tờ có liên quan). Nội dung thay đổi:

|              | Nội dung cũ                                                    | Nội dung mới                                                 |
|--------------|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm | Nước uống tinh khiết (purified drinking water)                 | Nước uống đóng chai (bottled drinking water)                 |
| Thành phần   | Nước ngầm & nước thủy cục                                      | Nước thủy cục                                                |
| Địa chỉ      | 683 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh | 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành Phố Hồ Chí Minh |

Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cũng như đã công bố ghi nhãn hàng hóa theo đúng quy định hiện hành. Kính báo Sở an toàn thực phẩm.

Trân trọng kính chào,

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**LÊ NHƯ VŨ**



# G-CERTI *certificate*

*hereby certifies that*

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY**

**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**  
**683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**

*meets the Standard Requirements & Scope as following*

**ISO 22000:2018**  
**Food Safety Management Systems**

**Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình và nước ion kiềm tự nhiên.**

**Manufacturing bottled drinking water and natural alkaline ionized water.**

|                               |                                            |
|-------------------------------|--------------------------------------------|
| Certificate No : GKVN-0405-FC | Code : CIV                                 |
| Initial Date : 2023. 06. 22   | Issue Date : 2025. 07. 07                  |
| Expiry Date : 2026. 06. 21    | Valid period : 2025. 07. 07 ~ 2026. 06. 21 |

**SAO Y BẢN CHÁNH**

**Ngày 25 tháng 7 năm 2025**



Signed for and on behalf of GCERTI  
President I.K. Choi



*Trần Thị Thúy Nga*

For more information of this certificate please visit : [www.gcerti.com](http://www.gcerti.com)  
Korea, Seoul, Eunpyeong-gu, Eunpyeong-ro. 88-15F Surveillance  
audits shall be conducted at least once a calendar year, except in  
recertification years. This is to certify that the Management Systems  
of this company has been found to confirm to the above. If the certified  
client does not allow surveillance, recertification audits, certificate should  
be returned to GCERTI. This certificate remains the property of GCERTI  
and this certificate is recognized by GCERTI.



ACCREDITED  
Management Systems  
Certification Body  
MSCB-113





# G-CERTI *certificate*

*hereby certifies that*

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY**

**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**  
**683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**

*meets the Standard Requirements & Scope as following*

**HACCP**  
**HACCP Food Safety Systems**

**Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình và nước ion kiềm tự nhiên.**

**Manufacturing bottled drinking water and natural alkaline ionized water.**

Certificate No : GKVN-0405-HC

Initial Date : 2023. 06. 22

Issue Date : 2025. 07. 07

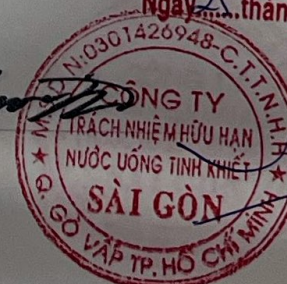
Expiry Date : 2026. 06. 21

Valid period : 2025. 07. 07 ~ 2026. 06. 21

Signed for and on behalf of GCERTI  
President I.K.Choi

**SAO Y BẢN CHÁNH**

Ngày 25 tháng 7 năm 2025



*Trần Thị Thùy Nga*



**G-CERTI**

SYSTEM SERVICE

MSCB-113

To verify the validity of this certificate please visit : [www.gcerti.com](http://www.gcerti.com)  
Korea, Seoul, Eunpyeong-gu, Eunpyeong-ro, 88, 15F Surveillance  
audits shall be conducted at least once a calendar year, except in  
recertification years. This is to certify that the Management Systems  
of this company has been found to conform to the above. If the certified  
client does not allow surveillance, recertification audits, certificate should  
be returned to GCERTI. This certificate remains the property of GCERTI  
and this certificate is recognized by GCERTI.



# G-CERTI *certificate*

*hereby certifies that*

**CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN**  
**SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY**

**683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**  
**683 Quang Trung Street, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam**

*meets the Standard Requirements & Scope as following*

**GMP**  
**Good Manufacturing Practice**

**Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình và nước ion kiềm tự nhiên.**

**Manufacturing bottled drinking water and natural alkaline ionized water.**

Certificate No : GKVN-0405-GMP

Initial Date : 2023. 06. 22

Issue Date : 2025. 07. 09

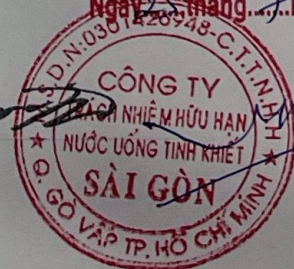
Expiry Date : 2026. 06. 21

Valid period : 2025. 07. 09 ~ 2026. 06. 21

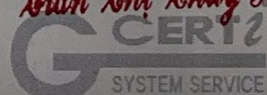
*Signed for and on behalf of GCERTI*  
*President I.K. Choi*

**SAO Y BẢN CHÍNH**

**Ngày 25 tháng 7 năm 2025**



*Trần Thị Thúy Nga*



To verify the validity of this certificate please visit : [www.gcerti.com](http://www.gcerti.com)  
Korea, Seoul, Eunpyeong-gu, Eunpyeong-ro. 88, 15F Surveillance  
audits shall be conducted at least once a calendar year, except in  
recertification years. This is to certify that the Management Systems  
of this company have been found to confirm to the above. If the certified  
client does not allow surveillance, recertification audits, certificate should  
be returned to GCERTI. This certificate remains the property of GCERTI  
and this certificate is recognized by GCERTI.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0301426948**

*Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 01 năm 1992*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 19 tháng 02 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGON PURE WATER LIMITED LIABILITY COMPANY

Tên công ty viết tắt: SAPUWA LLC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

683 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3894 1466

Fax: (028) 3894 0060

Email: [info@sapuwa.com.vn](mailto:info@sapuwa.com.vn)

Website: [www.sapuwa.com](http://www.sapuwa.com)

**3. Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ NHƯ VŨ      | Việt Nam  | 641/36 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 24.750.000.000                                                                | 99,000    | 023796347                                                                                               |         |



|   |           |          |                                                                                                                        |             |       |           |  |
|---|-----------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|--|
| 2 | LÊ NHƯ ÁI | Việt Nam | Số 195/27<br>đường Xô Viết<br>Nghệ Tĩnh,<br>Phường 17,<br>Quận Bình<br>Thạnh, Thành<br>phố Hồ Chí<br>Minh, Việt<br>Nam | 250.000.000 | 1,000 | 020959091 |  |
|---|-----------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------|-----------|--|

### 5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

\* Họ và tên: LÊ NHƯ VŨ

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 04/01/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Căn cước

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079085013347

Ngày cấp: 29/12/2024 Nơi cấp: Bộ Công an

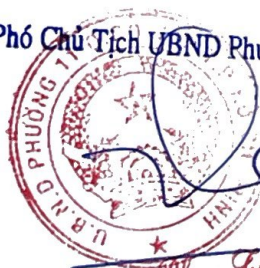
Địa chỉ thường trú: 49 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 641/36 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính  
Số chứng thực:.....0.0.4.3.9.8  
Quyển số:.....SCT/BS

Ngày: 22-04-2025

Phó Chủ tịch UBND Phường 11, Q. Gò Vấp

  
  
Phan Thị Hoàng Lan

TRƯỜNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Võ Cẩm Tú





Sản xuất tại Công ty TNHH Trách Nhiệm Hữu Hạn Nước Uống Tinh Khiết Sài Gòn

683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

1 - 800 - 2085

www.sapuwa.com

/sapuwa1992



Sử dụng nguồn nước thủy cực thanh  
trùng bằng tia cực tím  
xử lý bằng ôзон.

Ultraviolet sterilization,  
ozone treatment

Xuất xứ: Việt Nam

Bảo quản ở nhiệt độ thường,  
thông thoáng và khô ráo

Hướng dẫn sử dụng: dùng trực tiếp

Ngày sản xuất: in trên sản phẩm

Hạn sử dụng:

2 năm kể từ ngày sản xuất

Thông tin cảnh báo: không dùng

Sản phẩm hết hạn sử dụng.

NƯỚC UỐNG ĐỒNG BÌNH

280mm

**SAPUWA®**  
SINCE 1992

Chỉ tiêu Chất lượng/Quality specifications mg/l:

$\text{NO}_3^- \leq 50$      $\text{Mn}^{2+} \leq 0.4$      $\text{NO}_2^- \leq 3$   
 $\text{Na}^+ \leq 200$      $\text{F}^- \leq 1.5$     pH : 6.5 - 8.5

Đạt Chứng nhận An toàn Thực phẩm ISO 22000 : 2018/HACCP/GMP

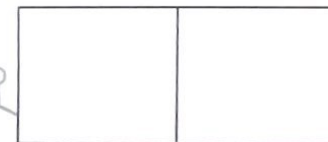
Foods safety certified ISO 22000 : 2018/HACCP/GMP

Thể tích thực/Net volume: 18.9 L

Vui lòng kiểm tra kỹ sản phẩm trước khi tháo niêm phong. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm sau khi niêm phong được tháo ra.  
Kindly ensure the product is thoroughly checked before removing the seal. We will not be held liable for the product's quality once the seal has been removed.

SAPUWA đang nỗ lực tìm cách cải tiến sản phẩm này nhằm bảo vệ môi trường. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe ý kiến của Quý khách.

SAPUWA is trying our best to find innovative solution to protect the environment. We are pleased to receive any feedbacks from you.





280mm

Sản xuất tại Công ty TNHH  
Nước Uống Tinh Khiết Sài Gòn

📍 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

☎ 1 - 800 - 2085

🌐 [www.sapuwa.com](http://www.sapuwa.com)

📱 /sapuwa1992



Sử dụng nguồn nước thủy cục thanh  
trùng bằng tia cực tím  
xử lý bằng ô zôn.

*Ultraviolet sterilization,  
ozone treatment*

Xuất xứ: Việt Nam

Bảo quản ở nhiệt độ thường,  
thông thoáng và khô ráo

Hướng dẫn sử dụng: dùng trực tiếp

Ngày sản xuất: in trên sản phẩm

Hạn sử dụng:

2 năm kể từ ngày sản xuất

Thông tin cảnh báo: không dùng

Sản phẩm hết hạn sử dụng.

**NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH**

# SAPUWA®

SINCE 1992

Chỉ tiêu Chất lượng/Quality specifications mg/l:

$\text{NO}_3^- \leq 50$      $\text{Mn}^{2+} \leq 0.4$      $\text{NO}_2^- \leq 3$   
 $\text{Na}^+ \leq 200$      $\text{F}^- \leq 1.5$     pH : 6.5 - 8.5

Đạt Chứng nhận An toàn Thực phẩm ISO 22000 : 2018/HACCP/GMP

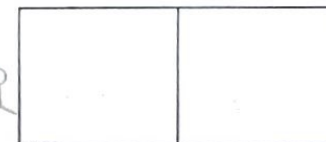
Foods safety certified ISO 22000 : 2018/HACCP/GMP

Thể tích thực/Net volume: 18.9 L

Vui lòng kiểm tra kỹ sản phẩm trước khi tháo niêm phong. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm sau khi niêm phong được tháo ra.  
*Kindly ensure the product is thoroughly checked before removing the seal. We will not be held liable for the product's quality once the seal has been removed.*

SAPUWA đang nỗ lực tìm cách cải tiến sản phẩm  
này nhằm bảo vệ môi trường. Chúng tôi sẵn sàng  
lắng nghe ý kiến của Quý khách.

*SAPUWA is trying our best to find innovative  
solution to protect the environment. We are  
pleased to receive any feedbacks from you.*





**Sản xuất tại Công ty TNHH**

**Nước Uống Tinh Khiết Sài Gòn**

**ĐC:** 683 Quang Trung, Phường Thông Tây Hội,

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**ĐT:** 1 – 800 - 2085

**Website:** [www.sapuwa.com](http://www.sapuwa.com)

**Fb:** /sapuwa1992

Mã QR

**Sử dụng nguồn nước thủy cục**

**thanh trùng bằng tia cực tím,**

**xử lý bằng ô zôn.**

Xuất xứ: Việt Nam

Bảo quản ở nhiệt độ thường, thông thoáng và khô ráo

Hướng dẫn sử dụng: dùng trực tiếp

Ngày sản xuất: in trên sản phẩm

Hạn sử dụng: 2 năm kể từ ngày sản xuất

Thông tin cảnh báo: không dùng Sản phẩm hết hạn sử dụng.

**NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH**

**SAPUWA**

TỪ 1992

Chỉ tiêu chất lượng mg/l:

$\text{NO}_3^- \leq 50$      $\text{Mn}^{2+} \leq 0.4$      $\text{NO}_2^- \leq 3$

$\text{Na}^+ \leq 200$      $\text{F}^- \leq 1.5$     pH: 6.5 – 8.5

Đạt Chứng nhận An toàn Thực phẩm ISO 22000:

2018/ HACCP/GMP

Thể tích thực: 18.9 L

Vui lòng kiểm tra kỹ sản phẩm trước khi tháo niêm phong. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm sau khi niêm phong được tháo ra.

SAPUWA đang nỗ lực tìm cách cải tiến sản phẩm này nhằm bảo vệ môi trường. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe ý kiến của Quý khách.

Gọi trước 24h

**BẢN DỊCH**



I, English collaborator of Quoc Luat Law Office - Ho Chi Minh City, undertake that I have translated the copy attached here to and that is, to the best of my knowledge, a true and accurate and conformity with the content rendition into Vietnamese English language from the English. I undertake that I shall take responsibility to the Quoc Luat Law Office - Ho Chi Minh City for the accuracy and do not violate the laws, inconsistent with social morals and conformity with the content of the rendition translated by me.

Tôi, cộng tác viên dịch tiếng Anh của Văn phòng luật sư Quốc Luật, Tp. Hồ Chí Minh, cam đoan đã dịch chính xác, phù hợp với nội dung từ bản tiếng Anh sang tiếng Việt, được chụp đính kèm. Tôi cam kết chịu trách nhiệm đối với Văn phòng luật sư Quốc Luật về tính chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nội dung bản dịch do tôi thực hiện.

NGƯỜI DỊCH/TRANSLATOR

Kiều

**NGUYỄN THỊ KIỀU**  
**LỜI CHỨNG CỦA VĂN PHÒNG LUẬT SƯ QUỐC LUẬT**  
**ATTESTATION OF LAWYER**

At Branch 3 of Quoc Luat Law Office - Ho Chi Minh City, address: 298 Quang Trung, Go Vap Ward, Ho Chi Minh City.

Tại Chi nhánh 3 Văn phòng luật sư Quốc Luật, Tp. Hồ Chí Minh, địa chỉ: 298 Quang Trung, Phường Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh.

I, **HUYNH PHI LONG**, Lawyer of Quoc Luat Law office - Ho Chi Minh City.

Tôi, **HUỲNH PHI LONG**, Luật sư Văn phòng luật sư Quốc Luật, Tp. Hồ Chí Minh.

**CHỨNG NHẬN**  
**IT IS TO CERTIFY THAT**

The appearing signature beside is subscribed by Ms. NGUYEN THI KIEU Collaborator of Quoc Luat Law office - Ho Chi Minh City.

Chữ ký trong bản dịch là chữ ký của bà Nguyễn Thị Kiều, là cộng tác viên dịch của Văn phòng luật sư Quốc Luật, Tp Hồ Chí Minh.

Ngày: 16-07-2025

**CHIEF OF BRANCH 3 OF QUOC LUAT LAW OFFICE**  
**TRƯỞNG CHI NHÁNH 3 VĂN PHÒNG LUẬT SƯ QUỐC LUẬT**



**LUẬT SƯ HUỲNH PHI LONG**





Phụ lục

## Nước uống đóng bình

Các chỉ tiêu chất lượng: Theo QCVN 6-1:2010/BYT

| STT | Tên chỉ tiêu                                     | Đơn vị tính | Giới hạn tối đa | Phân loại chỉ tiêu |
|-----|--------------------------------------------------|-------------|-----------------|--------------------|
| 1   | Stibi (Sb)                                       | mg/l        | 0,02            | A                  |
| 2   | Arsen (As)                                       | mg/l        | 0,01            | A                  |
| 3   | Bari (Ba)                                        | mg/l        | 0,7             | A                  |
| 4   | Bor (B)                                          | mg/l        | 0,5             | A                  |
| 5   | Bromat (Br)                                      | mg/l        | 0,01            | A                  |
| 6   | Cadimi (Cd)                                      | mg/l        | 0,003           | A                  |
| 7   | Clo (Cl)                                         | mg/l        | 5               | A                  |
| 8   | Clorat ( $\text{ClO}_3^-$ )                      | mg/l        | 0,7             | A                  |
| 9   | Clorit ( $\text{ClO}_2^-$ )                      | mg/l        | 0,7             | A                  |
| 10  | Crom (Cr)                                        | mg/l        | 0,05            | A                  |
| 11  | Đồng (Cu)                                        | mg/l        | 2               | A                  |
| 12  | Cyanid (CN)                                      | mg/l        | 0,07            | A                  |
| 13  | Fluorid (F)                                      | mg/l        | 1,5             | A                  |
| 14  | Chì (Pb)                                         | mg/l        | 0,01            | A                  |
| 15  | Mangan (Mn)                                      | mg/l        | 0,4             | A                  |
| 16  | Thủy Ngân (Hg)                                   | mg/l        | 0,006           | A                  |
| 17  | Molybden (Mo)                                    | mg/l        | 0,07            | A                  |
| 18  | Nickel (Ni)                                      | mg/l        | 0,07            | A                  |
| 19  | Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ), tính theo ion nitrat | mg/l        | 50              | A                  |
| 20  | Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ ), tính theo ion nitrit | mg/l        | 3               | A                  |
| 21  | Selen (Se)                                       | mg/l        | 0,01            | A                  |
| 22  | Mức nhiễm xạ                                     |             |                 | B                  |
|     | - Hoạt động phóng xạ $\alpha$ , Bq/l             |             | 0,5             |                    |
|     | - Hoạt động phóng xạ $\beta$ , Bq/l              |             | 1               |                    |

Chỉ tiêu loại A bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy. Chỉ tiêu loại B: không bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy nhưng tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, nước uống đóng chai phải đáp ứng các quy định đối với chỉ tiêu loại B.

Tỷ lệ nồng độ của mỗi chất đối với giới hạn tối đa:  $C_{\text{nitrat}}/\text{GHTĐ}_{\text{nitrat}} + C_{\text{nitrit}}/\text{CGHTĐ}_{\text{nitrit}} \leq 1$

## Chỉ tiêu vi sinh vật: Theo QCVN 6-1:2010/BYT

| TT               | Các chỉ tiêu                           | Lượng mẫu  | Yêu cầu                                     | Phân loại chỉ tiêu |
|------------------|----------------------------------------|------------|---------------------------------------------|--------------------|
| Kiểm tra lần đầu |                                        |            |                                             |                    |
| 01               | <i>E.coli</i> hoặc coliform chịu nhiệt | 1 x 250 ml | Không phát hiện trong bất kỳ mẫu nào        | A                  |
| 02               | Coliforms tổng số                      | 1 x 250 ml | Nếu số vi khuẩn (bào tử) $\geq 1$ và $\leq$ | A                  |



|    |                                          |            |                                                                           |   |
|----|------------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------|---|
|    |                                          |            | 2 thì tiến hành kiểm tra lần 2. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ. |   |
| 03 | <i>Streptococci feacal</i>               | 1 x 250 ml | CFU/g                                                                     | A |
| 04 | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>            | 1 x 250 ml | CFU/g                                                                     | A |
| 05 | <i>Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit</i> | 1 x 50 ml  | CFU/g                                                                     | A |

*Kiểm tra lần hai*

|    | Tên chỉ tiêu                             | Giới hạn tối đa cho phép<br>(Trong 1 ml sản phẩm) |   |   |   | Phân loại chỉ tiêu |
|----|------------------------------------------|---------------------------------------------------|---|---|---|--------------------|
|    |                                          | n                                                 | c | m | M |                    |
| 01 | <i>Coliforms tổng số</i>                 | 4                                                 | 1 | 0 | 2 | A                  |
| 02 | <i>Streptococci feacal</i>               | 4                                                 | 1 | 0 | 2 | A                  |
| 03 | <i>Pseudomonas aeruginosa</i>            | 4                                                 | 1 | 0 | 2 | A                  |
| 04 | <i>Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit</i> | 4                                                 | 1 | 0 | 2 | A                  |

Chỉ tiêu loại A: bắt buộc phải thử nghiệm để đánh giá hợp quy

n: số đơn vị mẫu được lấy ra từ lô hàng cần kiểm tra

c: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.

m: là mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.

M: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt qua.

**Hàm lượng các hóa chất không mong muốn khác theo quy định hiện hành áp dụng cho nước uống đóng chai.**





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

BẢN SAO

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 0 CS lot, K1 road, Cat Lai 1Z, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04663AMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025

Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10:30 - 15/07/2025
- Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L;  
Unit/sample: 18,9 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;  
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 15/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 15/07/2025 – 22/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm  
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

Ngày 23-07-2025

Phạm Thành Trung

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 021267... Quyền sở hữu SC/BS



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và chỉ áp dụng cho mục đích thử nghiệm.  
Test results are valid for the sample(s) submitted only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.  
Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This report is not to be reproduced without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.





KT3-04663AMT5/1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 02 / 03

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                 | Đơn vị<br>tính<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả<br>thử nghiệm<br>Test result | Giới hạn<br>phát hiện<br>Limit of<br>detection |
|---------|----------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7.1     | Hàm lượng nitrit ( $\text{NO}_2^-$ )<br>Nitrite content        | mg/L                   | SMEWW 4110B:2023               | KPH                                  | 0,02                                           |
| 7.2     | Hàm lượng nitrat ( $\text{NO}_3^-$ )<br>Nitrate content        | mg/L                   | SMEWW 4110B:2023               | 2,0                                  | -                                              |
| 7.3     | Hàm lượng tổng clo ( $\text{Cl}_2$ )<br>Total chlorine content | mg/L                   | TCVN 6225-2:2021               | KPH                                  | 0,02                                           |
| 7.4     | Hàm lượng florua ( $\text{F}^-$ )<br>Fluoride content          | mg/L                   | SMEWW 4110B:2023               | KPH                                  | 0,03                                           |
| 7.5     | Hàm lượng cyanua tổng ( $\text{CN}^-$ )<br>Cyanide content     | mg/L                   | TCVN 6181:1996                 | KPH                                  | 0,005                                          |
| 7.6     | Hàm lượng bo (B)<br>Boron content                              | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | < 0,02 (**)                          | 0,01                                           |
| 7.7     | Hàm lượng bari (Ba)<br>Barium content                          | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,01                                           |
| 7.8     | Hàm lượng mangan (Mn)<br>Manganese content                     | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,01                                           |
| 7.9     | Hàm lượng đồng (Cu)<br>Copper content                          | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,01                                           |
| 7.10    | Hàm lượng cadimi (Cd)<br>Cadmium content                       | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,0005                                         |
| 7.11    | Hàm lượng niken (Ni)<br>Nikel content                          | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.12    | Hàm lượng chì (Pb)<br>Lead content                             | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.13    | Hàm lượng crôm (Cr)<br>Chromium content                        | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.14    | Hàm lượng Selen (Se)<br>Selenium content                       | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.15    | Hàm lượng molybden (Mo)<br>Molybdenum content                  | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.16    | Hàm lượng antimon (Sb)<br>Antimoni content                     | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,003                                          |
| 7.17    | Hàm lượng thủy ngân (Hg)<br>Mercury content                    | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,0002                                         |
| 7.18    | Hàm lượng asen (As)<br>Arsenic content                         | mg/L                   | US EPA Method 200.8            | KPH                                  | 0,0005                                         |

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu - Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản bộ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, in part or in full, without the written permission by Quatest 3

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng nên tiếp theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm thông tin

Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.





KT3-04663AMT5/1

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 03 / 03

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                            | Đơn vị<br>tính<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả<br>thử nghiệm<br>Test result | Giới hạn<br>phát hiện<br>Limit of<br>detection |
|---------|-----------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|
| 7.19    | Hàm lượng bromat ( $\text{BrO}_3^-$ )<br>Bromate content  | mg/L                   | SMEWW 4110 D:2023              | KPH                                  | 0,004                                          |
| 7.20    | Hàm lượng clorate ( $\text{ClO}_3^-$ )<br>Clorate content | mg/L                   | SMEWW 4110 D:2023              | KPH                                  | 0,01                                           |
| 7.21    | Hàm lượng clorit ( $\text{ClO}_2^-$ )<br>Clorite content  | mg/L                   | SMEWW 4110 D:2023              | KPH                                  | 0,01                                           |
| 7.22    | Hoạt độ phóng xạ alpha tổng<br>Gross alpha Radioactivity  | Bq/L                   | SMEWW 7110B:2023               | KPH                                  | 0,02                                           |
| 7.23    | Hoạt độ phóng xạ beta tổng<br>Gross beta Radioactivity    | Bq/L                   | SMEWW 7110B:2023               | KPH                                  | 0,2                                            |

### Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(\*\*): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

2



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Nơi in ấn mặt verso kết quả, khách hàng nên lấy thông tin chi tiết qua địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để biết thêm chi tiết.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.



KT3-04663AMT5/2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10:30 - 15/07/2025
- Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L;  
Unit/sample: 18,9 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;  
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 15/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 15/07/2025 – 22/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm  
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page



TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 021268  
Ngày: 23-07-2025

Nguyễn Hoàng Linh



Trần Thanh Hải

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Tên của mẫu(s) và customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2 at 95% confidence.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Nơi tham khảo về kết quả, khách hàng nên liên hệ theo địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để được tư vấn thêm.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.





KT3-04663AMT5/2

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

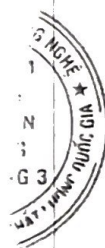
22/07/2025  
Trang/ Page 02 / 02

| STT No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                                                               | Đơn vị tính<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method    | Kết quả thử nghiệm<br>Test result |
|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| 7.1     | Coliform tổng số<br>Total Coliform                                                           | CFU/250 mL          | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016   | < 1 (***)                         |
| 7.2     | Escherichia coli                                                                             | CFU/250 mL          | ISO 9308-1:2014 /<br>Amd.1:2016   | < 1 (***)                         |
| 7.3     | Enterococci<br>Streptococci feacal                                                           | CFU/250 mL          | ISO 7899-2:2000 QCVN<br>06-1:2010 | < 1 (***)                         |
| 7.4     | Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite<br>Spores of sulfite - reducing anaerobes<br>(Clostridia) | CFU/50 mL           | ISO 6461-2:1986                   | < 1 (***)                         |
| 7.5     | Pseudomonas aeruginosa                                                                       | CFU/250 mL          | ISO 16266:2006                    | < 1 (***)                         |

### Ghi chú/ Notice:

(\*\*\*) : Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "< 1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

2



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
  - Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
  - Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence.
  - Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Bản thảo mẫu về kết quả, khách hàng cần lưu ý theo địa chỉ [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) để được hướng dẫn chi tiết.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.



KT3-04663AMT5/3

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10:30 - 15/07/2025
- Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L;  
Unit/sample: 18,9 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;  
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 15/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 15/07/2025 – 22/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỢI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm  
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thư: 0.2.1.2.6.8

Ngày 23/07/2025

CÔNG CHỨNG VIỆN  
CÔNG CHỨNG  
TRẦN THANH HẢI



Phan Thành Trung



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi thử nghiệm và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product quality.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Name of sample(s) and customer name are recorded as requested.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản ánh chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95% confidence.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ghi trên phiếu kết quả thử nghiệm để được giải đáp thêm.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses: info@quatest3.com.vn for further information about test report.







ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3  
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Sai Gon Ward, HCMC, Vietnam - Tel: (84-28) 3829 4274 - Fax: (84-28) 3829 3012 - E-mail: info@quatest3.com.vn - Website: www.quatest3.com.vn  
Testing Complex: 0 No 7, road No 1, Bien Hoa 1 TZ, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai TZ, Cat Lai Ward, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Cho Quan Ward, HCMC, Vietnam

KT3-04663AMT5/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 02 / 02

| STT<br>No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic           | Đơn vị<br>tính<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử<br>nghiệm<br>Test result |
|------------|------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| 7.1        | Độ pH (tại 25 °C)<br>pH value (at 25 °C) | -                      | TCVN 6492:2011                 | 6,9                                  |

**Ghi chú/ Notice:**

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

2



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phản ánh chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$  at 95 % confidence.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Nội dung các kết quả, khách hàng cần liên hệ trực tiếp với địa chỉ email [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) hoặc trực tiếp tại địa chỉ.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.



KT3-04663AMT5/4

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu  
Name of sample : NƯỚC UỐNG ĐÓNG BÌNH  
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 10:30 - 15/07/2025
- Mô tả mẫu  
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.  
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.  
- Dạng mẫu: lỏng;  
Form: the liquid;  
- Số đơn vị/mẫu: 18,9 L;  
Unit/sample: 18,9 L;  
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;  
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu  
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu  
Date of receiving : 15/07/2025
- Thời gian thử nghiệm  
Testing duration : 15/07/2025 – 22/07/2025
- Nơi gửi mẫu  
Customer : CÔNG TY TNHH NƯỚC UỐNG TINH KHIẾT SÀI GÒN  
683 QUANG TRUNG, PHƯỜNG THÔNG TÂY HỘI, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
- Kết quả thử nghiệm  
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG  
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR  
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM  
HEAD OF TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

Ngày 23/07/2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực: 021268  
Ngày 23/07/2025



Trần Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Name of sample(s) and customer are written as customer's request
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.  
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$  at 95% confidence
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3
- Để biết thêm các về kết quả, khách hàng nên liên lạc trực tiếp với địa chỉ email: info@quatest3.com.vn để được hướng dẫn chi tiết.  
Please contact QUATEST 3 at the email addresses info@quatest3.com.vn for further information about test report





KT3-04663AMT5/4

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

22/07/2025  
Trang/ Page 02 / 02

| STT<br>No. | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic         | Đơn vị<br>tính<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test method | Kết quả thử<br>nghiệm<br>Test result |
|------------|----------------------------------------|------------------------|--------------------------------|--------------------------------------|
| 7.1        | Hàm lượng natri (Na)<br>Sodium content | mg/L                   | SMEWW 3111B:2023               | 19,8                                 |

### Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

2



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.  
*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only; and this is not a certificate of product.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ  $k = 2$ , phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.  
*The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor  $k = 2$ , at 95 % confidence.*
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.  
*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*
- Nếu thắc mắc về kết quả, khách hàng nên liên hệ trực tiếp với số điện thoại 028 3829 4274 để được hỗ trợ thông tin.  
*Please contact QUATEST 3 at the email addresses [info@quatest3.com.vn](mailto:info@quatest3.com.vn) for further information about test report.*

